

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15-01-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Tuấn Điệp

Ông Đỗ Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3067/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị LTT, sinh năm 1996, nơi ĐKKHKT: Thôn XD, xã NP, huyện KT, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* NTB, sinh năm 1991; nơi ĐKKHKT: Thôn XD, xã NP, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: hiện đang ở Nhật Bản, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Chị LTH và anh NTB kết hôn với nhau từ năm 2015, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2015 tại UBND xã NP, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc trong khoảng 02 năm. Đến năm 2018, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về quan điểm sống, tính cách nên hay cãi vã nhau, xích mích. Mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng mặc dù đã được gia đình 2 bên hòa giải nhưng không thành. Đầu năm 2019 khi mâu thuẫn vợ chồng lên đến đỉnh điểm, xét thấy vợ chồng không thể chung sống cùng nhau, anh Bình đã bỏ đi lao động tại Nhật Bản. Lúc đầu khi anh B sang Nhật làm ăn, vợ chồng có liên lạc với nhau nhưng sau đó ít dần và đến giờ là không còn liên lạc với nhau nữa. Xét vợ chồng hiện đã ly thân do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị H làm đơn xin ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 469; Điều 474, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xử: Chị Lương Thị Huế được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Bình. Về con chung, và tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1]. Theo xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an hiện bị đơn là anh NTB đã xuất cảnh đi nước ngoài từ ngày 15/01/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Chị LTH có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại biên bản làm việc đối với bà NTN (mẹ đẻ anh B) cho biết: Anh B đã đi lao động tại Nhật Bản từ đầu năm 2019. Khi sang Nhật, anh không thông báo cho bà biết địa chỉ hiện tại của anh tại Nhật Bản. Hiện anh B vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình song gia đình không biết rõ cụ thể địa chỉ của anh B tại Nhật Bản do anh không cung cấp. Tòa án đã thông báo các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho anh B biết và cũng 02 lần gửi thông báo cho gia đình đề nghị cung cấp địa chỉ của anh B tại Nhật Bản nhưng không có kết quả. Như vậy, việc anh B không thông báo địa chỉ của mình cho Tòa án và gia đình là cố ý giấu địa chỉ. Do vậy, việc xét xử vắng mặt chị H, anh B là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Công văn số 253/TAND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao.

- Về nội dung:

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã NP, huyện Kiến Thụy vào ngày 31/12/2015. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xác định là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Quá trình chung sống: Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn, tuy nhiên căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của bà NTN (mẹ đẻ của anh Bình) đủ cơ sở xác định: Sau khi kết hôn, chị H anh B chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, do quan điểm sống, tính cách sống khác nhau. Gia đình 2 bên đã hòa giải nhưng không thành. Hiện chị H và anh B đã ly thân, mỗi người sống mỗi nơi không quan tâm đến nhau về mọi mặt. Xét thấy: Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xử cho chị H được ly hôn với anh B.

[5]. Về con chung: Chị H khai vợ chồng không có con chung không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 227, Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 147; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị LTH được ly hôn với anh NTB.
2. Về con chung: Chị LTH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị LTH không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị LTH phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0008295 ngày 16 tháng 12 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị LTH đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo:

Chị LTH được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ hay kể từ ngày được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật .

Anh NTB được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Ngũ Phúc;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Lương Thị Huế được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Anh Nguyễn Thanh Bình được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Thủy

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Linh và anh Phạm Văn Việt được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Biên bản nghị án lập xong lúc cùng ngày, các thành viên HĐXX đã đọc lại và công nhận là đúng.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**Nguyễn Thị Thu Thủy**

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Biên Nguyễn Đức Mạnh

Nguyễn Thị Thu Thủy

